

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-PT

Ngày: 21-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

Các thẩm phán: Bà Phạm Thị Khánh Thiện; bà Vũ Thị Yên.

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 233/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Trần Đình T và các đồng phạm khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 172/2019/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Đình T**, sinh năm 1985 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Đường L, khu 5 phường T, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Trần Thị C; có vợ là Lê Thị N và 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 03/11/2012 bị Công an phường B, thành phố D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (1.500.000 đồng) về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 03/11/2012; bị cáo được áp dụng biện pháp bảo lãnh theo quyết định về việc bảo lãnh của Hội đồng xét xử sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Duy C**, sinh năm 1987 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Phố P, khu 4, phường T, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Đoàn Thị S; có vợ là Nguyễn Thị H và 02 con lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/11/2009 bị công an phường T, thành phố D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (500.000 đồng) về hành vi đánh bạc, nộp

phạt ngày 12/11/2009; bị cáo được áp dụng biện pháp bảo lãnh theo quyết định về việc bảo lãnh của Hội đồng xét xử sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án không có lý do.

3. **Lê Văn A**, sinh năm 1986 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Đường A, khu 2, phường T, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con, là con thứ hai trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Hội đồng xét xử sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án không có lý do.

4. **Đoàn Văn Q**, sinh năm 1987 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Phố K, khu 2, phường T, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn H và bà Lê Thị N; bị cáo chưa có vợ con, là con thứ ba trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 10/12/2007 bị công an thành phố D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (500.000 đồng) về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 11/12/2007; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Hội đồng xét xử sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

5. **Trần Quốc K**, sinh năm 1983 tại Hải Dương. Nơi cư trú: Đường N, phường N, thành phố D, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức H và bà Trương Thị V (tên gọi khác: Trương Thị N); có vợ là Hoàng Thùy D và 02 con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/6/2000 bị công an thành phố D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (100.000 đồng) về hành vi gây rối trật tự công cộng, nộp phạt ngày 26/6/2000; tại bản án hình sự phúc thẩm số 734 ngày 28/5/2003, Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 4 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 28/5/2003, nộp án phí sơ thẩm ngày 12/9/2003; ngày 02/12/2008 bị công an thành phố D xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (750.000 đồng) về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 04/12/2008; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú của Hội đồng xét xử sơ thẩm, có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn 02 bị cáo khác không kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập đến phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Anh **Trương Tuấn V**; sinh năm 1990, nơi cư trú: Phố Đ, phường P, thành phố D, tỉnh Hải Dương (*không triệu tập đến phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2018, Lê Duy C gọi điện thoại cho Trần Đình T đề nghị T cung cấp một tài khoản cá độ bóng đá cấp độ Agent để C tổ chức cho người khác cá độ bóng đá. T gọi điện thoại cho một người tên Đ ở phố T, phường T, thành phố D để lấy một tài khoản cá độ bóng đá nên Đ đã đọc cho T tài khoản SD9M0705 (theo phân cấp khi cá độ thì đây là tài khoản đại lý cấp độ Agent) kèm mật khẩu để truy cập vào đường link trên mạng internet có địa chỉ <http://www.b88ag.com>. Tài khoản này có hạn mức là 5000 điểm, Đ và T thỏa thuận 01 điểm = 10.000đ

Sau khi nhận tài khoản này, T giao lại cho C bằng cách gọi điện thoại, đọc cho C tên tài khoản và mật khẩu. Sau đó, C thay đổi mật khẩu và chia tài khoản SD9M0705 từ cấp độ Agent thành nhiều tài khoản ở cấp độ nhỏ hơn là tài khoản cấp độ Member bao gồm SD9M0705005, SD9M0705008, SD9M0705009, SD9M0705000, SD9M0705006 nhằm mục đích giao cho người khác tham gia cá độ bóng đá để hưởng lợi từ giá trị điểm chênh lệch và điểm Comm từ trang web quản lý. C sử dụng tài khoản cấp độ Agent SD9M0705 quản lý các tài khoản Member để xác định thắng thua với người chơi. Trong thời gian từ cuối tháng 6/2018 đến đầu tháng 7/2018, C trực tiếp giao các tài khoản SD9M0705005, SD9M0705008, SD9M0705009 cho Lê Văn A. A giữ lại tài khoản SD9M0705005 để trực tiếp cá độ bóng đá. Tài khoản SD9M0705008, A giao cho Trương Tuấn V, sinh năm 1990, trú tại: Phố Đ, phường P, thành phố D và tài khoản SD9M0705009, A giao cho Trần Quốc K. A giao và chuyển các tài khoản trên cho V và K là do trước đó V nhờ A lấy giúp tài khoản cá độ bóng đá và K nhờ A lấy hộ tài khoản từ C. Cũng trong thời gian cuối tháng 6/2018, C giao tài khoản SD9M0705000 cho Đoàn Văn Q. Q sử dụng tài khoản này để cá độ bóng đá. Đến khi Phạm Trung X nhờ Q lấy giúp một tài khoản cá độ bóng đá khác, Q đã gặp C và được C giao tài khoản SD9M0705006. Q nhận tài khoản này, giao cho X. X tiếp tục giao cho Vũ Đình B, sinh năm 1991, trú tại: khu 13, phường T, thành phố D do trước đó B đã nhờ X lấy giúp một tài khoản để cá độ bóng đá. Khi nhận tài khoản SD9M0705, T thỏa thuận với Đ 01 điểm có giá trị bằng 10.000 đồng rồi giao lại cho C với thỏa thuận 01 điểm có giá trị bằng 15.000 đồng. Vì vậy, với mỗi điểm người chơi cá độ bị thua, T sẽ được C trả 15.000 đồng, T trả Đ 10.000 đồng nên được hưởng lợi 5.000 đồng. Nếu người chơi thắng, mỗi điểm Đ trả T 10.000 đồng, T phải bù thêm 5000 đồng trả cho C. Khi giao cho A các tài khoản SD9M0705005, SD9M0705008, SD9M0705009, giao cho Q tài khoản SD9M0705000, C thỏa thuận với A và Q 01 điểm có giá trị bằng 15.000 đồng nên C chỉ được hưởng lợi điểm Comm từ các tài khoản này. C giao cho Q tài khoản SD9M0705006 với thỏa thuận 01 điểm có giá trị bằng

100.000 đồng nên ngoài được hưởng lợi điểm Comm, C còn được hưởng lợi giá trị điểm chênh lệch. Nếu người chơi sử dụng tài khoản SD9M0705006 thua cược, mỗi điểm C được người chơi trả 100.000 đồng, C chỉ phải trả T 15.000 đồng nên được hưởng lợi 85.000 đồng. Ngược lại, nếu người chơi thắng cược, mỗi điểm C được T trả 15.000 đồng, C phải bù thêm 85.000 đồng trả cho người chơi. Riêng A, Q, X không được hưởng lợi từ việc nhận, giao các tài khoản cá độ bóng đá do A chỉ lấy giúp V tài khoản SD9M0705008 và lấy giúp K tài khoản SD9M0705009. Tương tự, do B nhờ nên X đã qua Q, lấy tài khoản SD9M0705006 từ C, giao cho B.

Mỗi tài khoản cấp độ Agent hoặc cấp độ Member có một hạn mức tín dụng nhất định gọi là điểm, hạn mức tín dụng này được nhà cái (*là đối tượng xây dựng phần mềm và quản lý hệ thống tài khoản ở nước ngoài*) quy định sử dụng trong khoảng thời gian một ngày từ 12 giờ trưa ngày hôm trước đến 12 giờ trưa ngày hôm sau (*đến 12 giờ trưa hàng ngày, phần mềm sẽ tự động cấp lại đủ hạn mức tín dụng cho các tài khoản đánh bạc để người đánh bạc tiếp tục sử dụng để cá độ*). Trong một ngày, những người đánh bạc có thể đặt cược nhiều trận đấu bóng đá khác nhau, hoặc nhiều kèo trong một trận bóng đá nhưng tổng số tiền đặt cược nằm trong giới hạn của hạn mức tín dụng của tài khoản mà người đánh bạc đã được cấp.

Sau khi có tài khoản đánh bạc, người đánh bạc sử dụng điện thoại di động hoặc máy tính bảng hoặc máy vi tính, máy laptop... có kết nối mạng Internet truy cập vào trang website www.b88ag.com rồi nhập tên tài khoản, mật khẩu tài khoản của mình, khi đó giao diện màn hình thiết bị điện tử sử dụng để kết nối sẽ có các thông tin do nhà cái đưa ra như tỷ lệ kèo cho các hình thức đánh bạc như:

- Master: Là tài khoản tổ chức đánh bạc trên trang website www.b88ag.com mà từ tài khoản này có thể tạo ra các tài khoản tổ chức đánh bạc cấp Agent.

- Agent: Là tài khoản tổ chức đánh bạc thứ cấp của Master, từ tài khoản Agent có thể tạo ra các tài khoản cấp độ Member để trực tiếp đánh bạc trên trang website www.b88ag.com.

- Member: Là tài khoản mà con bạc sử dụng để trực tiếp đánh bạc trên website www.b88ag.com

- Comm: Là điểm hoa hồng của các đại lý cấp Master, Agent hoặc con bạc (cấp Member); điểm Comm được hiển thị trong giao diện của các tài khoản tổ chức đánh bạc cấp độ Master, Agent và điểm Comm được tính thông thường bằng 0,25% số điểm đặt cược của con bạc.

Căn cứ thông tin trên, người đánh bạc xem xét lựa chọn, đặt điểm đánh bạc trong một hoặc nhiều kèo bóng đá... Thông tin thắng thua về các lần đánh bạc đều được ghi nhận, lưu giữ trên lịch sử của tài khoản đánh bạc.

Để tổ chức quản lý các tài khoản, hàng ngày đối tượng tổ chức đánh bạc thường xuyên đăng nhập vào tài khoản tổ chức đánh bạc của mình để theo dõi, quản lý thông tin đặt cược của đối tượng tổ chức đánh bạc cấp dưới của mình và những người đánh bạc. Cuối giải đấu bóng đá thế giới, căn cứ vào kết quả đặt cược trên lịch sử giao dịch, các đối tượng thông báo số tiền thắng bạc, thua bạc cho nhau để thanh toán tiền đánh bạc với nhau. Hình thức giao nhận tiền đặt cược và thanh toán tiền thắng/thua bạc được các đối tượng tổ chức và con bạc thống nhất với nhau là hình thức “tín chấp” tức là con bạc đặt cược đánh bạc bằng điểm ảo và khi thanh toán tiền thắng/thua bạc sẽ quy đổi từ điểm ảo thống kê được trên lịch sử giao dịch đánh bạc sang tiền Việt Nam đồng theo tỷ lệ thỏa thuận của từng đối tượng.

Trong các ngày 05/7/2018 và 06/7/2018, thông qua các thiết bị là điện thoại di động có kết nối Internet, Lê Văn A đăng nhập tài khoản SD9M0705005, Trương Tuấn V đăng nhập tài khoản SD9M0705008, Trần Quốc K đăng nhập tài khoản SD9M0705009, Đoàn Văn Q đăng nhập tài khoản SD9M0705000 và Vũ Đình B đăng nhập tài khoản SD9M0705006, đã tham gia cá độ trong nhiều trận đấu bóng đá tại giải World Cup 2018 và một số giải bóng đá khác (đã được thống kê chi tiết trong bản án sơ thẩm).

Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2019/HS-ST ngày 01/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố D áp dụng:

- Điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 322; khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Đình T 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 322; khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Duy C 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 322; khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn A 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 322; điểm c khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Văn Q 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Quốc K 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định tội danh, hình phạt đối với 02 bị cáo khác; hình phạt bổ sung; biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/11/2019 các bị cáo T, C, A, K đều kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; ngày 08/11/2019 bị cáo Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, C, A, K, Q giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các bị cáo khẳng định tội danh như cấp sơ xét xử là đúng, không oan, sai, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã tự nguyện nộp án phí và tiền phạt, tiền tịch thu. Trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã tường trình chi tiết hành vi đã thực hiện thể hiện sự phối hợp với cơ quan chức năng giúp nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần, không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Đối với hành vi tổ chức đánh bạc của các bị cáo T, C cho Lê Văn A (cá độ 74 trận bóng đá), Trương Tuấn V (cá độ 05 trận bóng đá); Trần Quốc K (cá độ 34/36 trận bóng đá) đánh bạc số tiền dưới 5 triệu đồng. Kiến nghị Cơ quan điều tra xem xét xử phạt hành chính đối với Trần Đình T và Lê Duy C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự kháng cáo hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau, phù hợp với chính lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, cơ quan Viện kiểm sát; phù hợp với dữ liệu điện tử thể hiện lịch sử đánh bạc và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở để kết luận:

Trong các ngày 05/7/2018 và ngày 06/7/2018.

- Bị cáo T nhận tài khoản cấp độ AgentSD9M0705 và mật khẩu từ đối tượng tên Đ, sau đó giao lại cho Lê Duy C với mục đích hưởng lợi từ giá trị chênh lệch điểm.

- Bị cáo C đã thay đổi mật khẩu và chia tài khoản này thành nhiều tài khoản cấp độ Member gồm: SD9M0705005, SD9M0705008, SD9M0705009,

SD9M0705000, SD9M0705006 sau đó giao lại cho Lê Văn A 03 tài khoản, giao cho Đoàn Văn Q 02 tài khoản để thu lợi từ giá trị chênh lệch điểm và hưởng điểm Comm.

- Bị cáo Lê Văn A sau khi nhận 03 tài khoản từ Lê Duy C đã:

Sử dụng tài khoản SD9M0705005 để cá độ 74 trận bóng đá, số tiền cá độ đều dưới 5 triệu nên đã bị xử phạt hành chính.

Giao các tài khoản SD9M0705008 cho Trương Tuấn V để V cá độ 05 trận bóng đá, số tiền cá độ đều dưới 5 triệu đã bị xử phạt hành chính.

Giao tài khoản SD9M0705009 cho Trần Quốc K để cá độ 36 trận bóng đá trong đó có 01 lần số tiền đánh bạc 33.060.000đ (*Ba mươi ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*); 01 lần đánh bạc số tiền 5.032.000đ (*Năm triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*)

- Bị cáo Đoàn Văn Q nhận từ bị cáo C 02 tài khoản SD9M0705000 và SD9M0705006, đã sử dụng 01 tài khoản để cá độ 30 trận bóng đá trong đó có 01 lần đánh bạc số tiền 13.530.000đ (*Mười ba triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng*); tài khoản còn lại Q giao cho Phạm Trung X.

- Bị cáo Phạm Trung X đã giao lại tài khoản này cho Vũ Đình B để B trực tiếp cá độ số tiền 27.000.000đ (*Hai mươi bảy triệu đồng*).

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì hám lợi đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo T, C, Q, A, X tạo điều kiện cho người khác đánh bạc trái phép qua mạng Internet được thua bằng tiền đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Hành vi các bị cáo Trần Đình T, Lê Duy C, Lê Văn A, Đoàn Văn Q và Phạm Trung X thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc với tính tiết định khung “sử dụng mạng Internet” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 322 Bộ luật hình sự.

Hành vi nhận 01 tài khoản từ C sử dụng mạng internet để trực tiếp đánh bạc của Q trong đó có 01 lần trị giá trên 05 triệu đồng (15.350.000đ). Hành vi nhận 01 tài khoản từ A để 02 lần trực tiếp đánh bạc trong đó có 01 lần số tiền đánh bạc trên 20.000.000đ (36.060.000đ) và 01 lần số tiền đánh bạc trên 5.000.000đ (5.032.000đ) của K đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo T, C, A, Q, bị truy tố xét xử về tội Tổ chức đánh bạc; bị cáo Q, K bị truy tố, xét xử về tội Đánh bạc là có căn cứ, đúng người, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo T, C, A, Q tham gia với vai trò đồng phạm theo cặp, không có sự phân công, cấu kết nên là đồng phạm giản đơn. Bị cáo T, C tổ chức cho các bị cáo K, B đánh bạc số tiền trên 20.000.000đ nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1

Điều 52 BLHS. Bị cáo A đồng phạm tội tổ chức đánh bạc về hành vi tổ chức 01 lần cho K đánh bạc số tiền trên 20.000.000đ. Bị cáo Q, X đồng phạm tổ chức đánh bạc 01 lần cho B đánh bạc số tiền trên 20.000.000đ.

Các bị cáo K độc lập thực hiện hành vi đánh bạc 02 lần. Bị cáo Q thực hiện hành vi đánh bạc 01 lần với số tiền trên 5.000.000đ. Bị cáo K phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá, phân hóa áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đúng vai trò của từng bị cáo.

Hiện nay tội phạm tổ chức đánh bạc, đánh bạc sử dụng mạng internet tăng nhanh về số lượng, kéo theo nhiều hệ lụy cho xã hội nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh. Do đó không chấp nhận cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo.

Các bị cáo T, C, A, Q, K đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi sự việc bị phát hiện ngày 06/7/2018 thì trước khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ngày 07/7/2018 các bị cáo đã giải trình sao kê các trận cá cược cho cơ quan điều tra (BL 421, 427, 474, 530, 585, 592, 665, 672, 716) từ đó đã giúp cơ quan điều tra nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Vì vậy cần áp dụng cho các bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo T, C, A, K, Q đã tự nguyện nộp trước tiền tịch thu, tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải, có ý thức chấp hành pháp luật nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Như vậy các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Áp dụng quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật. Chấp nhận một phần kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[3] Bị cáo Đoàn Văn Q bị xét xử 02 tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc”, sau khi quyết định hình phạt đối với từng tội cần tổng hợp hình phạt để buộc Đoàn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 333; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Đình T, Lê Duy C, Lê Văn A, Đoàn Văn Q, Trần Quốc K, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 172/2019/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Hải Dương phần quyết định đối với các bị cáo

1.1. Áp dụng điểm c khoản 2, 3 Điều 322; khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đình T **04 (bốn)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 2, 3 Điều 322; khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Duy C **04 (bốn)** năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 2, 3 Điều 322; khoản 2 Điều 35; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54, 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn A **03 (ba)** năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.4. Áp dụng điểm c khoản 2, 3 Điều 322; điểm c khoản 2 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54, 55; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Q **03 (ba)** năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” và **02 (hai)** năm tù về tội “Đánh bạc”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **05 (năm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

1.5. Áp dụng điểm c khoản 2, 3 Điều 321; khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Quốc K **02 (hai)** năm **03 (ba)** tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí:

- Các bị cáo Trần Đình T, Lê Duy C đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm, tiền phạt, tiền tịch thu lần lượt theo các biên lai số: AA/2011/06999; AA/2011/07000; AA/2011/06998; AA/2011/06997 ngày 14/11/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố D. Bị cáo Lê Văn A đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm và tiền phạt theo biên lai số AA/2011/06993 ngày 13/11/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố D.

- Bị cáo Trần Quốc K đã nộp tiền phạt, án phí sơ thẩm và một phần tiền tịch thu theo biên lai số AA/2011/07352 và AA/2011/07341 ngày 14/11/2019 tại

tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố D. Tiền tịch thu còn lại bị cáo K phải nộp là 80.200.000đ (*Tám mươi triệu hai trăm nghìn đồng*)

- Bị cáo Đoàn Văn Q đã nộp tiền án phí sơ thẩm và một phần tiền phạt theo biên lai số AA/2011/06995 ngày 13/11/2019 và biên lai số AA/2011/07403 ngày 20/02/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố D. Bị cáo Q còn phải nộp tiền phạt và tiền tịch thu là 85.837.500đ (*Tám mươi lăm triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Các bị cáo Trần Đình T, Lê Duy C, Lê Văn A, Đoàn Văn Q, Trần Quốc K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án 21/02/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV-CA tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND TP.Hải Dương (2 bản);
- VKSND TP.Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS-CATP.Hải Dương;
- Chi cục THADS TP.Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hoài